

Bản án số: **60/2018/HNGĐ-ST**.
Ngày: 19/10/2018.
V/v Tranh chấp hôn nhân và gia đình.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KẾ SÁCH, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Văn Phụng.
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Xương.
2. Ông Huỳnh Khởi.

- Thư ký phiên tòa: Ông Quách Văn Diễn – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Dương Thanh Hậu – Kiểm sát viên

Ngày 19 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm, công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 331/2018/TLST-HNGĐ, ngày 20/8/2018 về việc “Tranh chấp hôn nhân và gia đình”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 156/2018/QĐXXST-HNGĐ, ngày 03 tháng 10 năm 2018, giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thanh T; Địa chỉ: **ấp M, xã H, huyện P, tỉnh Hậu Giang**.

* Bị đơn: Ông Nguyễn Tấn K; Địa chỉ: **ấp L, xã A, huyện K, tỉnh Sóc Trăng**.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện ngày 16/8/2018 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Bà Nguyễn Thanh T trình bày:

- Về Quan hệ hôn nhân: Bà và ông Nguyễn Tấn K kết hôn trên cơ sở tự nguyện ngày 31/7/2016 và có đăng ký kết hôn tại UBND xã A ngày 08/12/2016. Lúc đầu sống rất hạnh phúc, đến tháng 02/2017 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do bà về đám cưới bên gia đình bà thì ông K không cho tiền, ông K khó khăn về vấn đề tiền bạc, khi mua sắm tài sản trong gia đình thì ông K không cho bà biết trước, khi sinh hoạt trong gia đình thì ông K cùng mẹ chồng không đồng ý và đem về nơi khác, ông K thường xuyên ăn nhậu về nhà chửi cha mẹ bà và đến tháng 5/2018 thì ông bà sống ly thân cho đến nay. Sau khi ly thân thì gia đình hai bên và ông bà có gặp nhau để bàn bạc nhưng không đạt kết quả. Nay bà yêu cầu ly hôn với ông K.

- Về con chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về tài sản chung và nợ chung: không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại biên bản lấy lời khai ngày 24/9/2018, bị đơn ông Nguyễn Tấn K trình bày: Về thời gian kết hôn, thủ tục kết hôn, thời gian ly thân; con chung; tài sản chung; nguyên nhân mâu thuẫn và thời gian ly thân đúng như vợ ông trình bày. Tuy nhiên, nguyên nhân mâu thuẫn cũng do vợ ông nói nặng lời với ông, khi vợ về quê thì ông cũng có đưa tiền cho vợ nhưng vợ không lấy.

- Về hôn nhân: Ông Nguyễn Tấn K đồng ý ly hôn với bà Nguyễn Thanh T.

- Về con chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về tài sản chung và nợ chung: không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại phiên tòa, Kiểm sát viên Viện Kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách tham gia phiên tòa sơ thẩm có ý kiến phát biểu nhận xét về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án nhìn chung đều thực hiện đúng theo các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Riêng bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt; đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Tại phiên tòa, nguyên đơn không rút lại đơn khởi kiện, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được tranh tụng tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông Nguyễn Tấn K là bị đơn trong vụ án không có yêu cầu phản tố đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ nhất có đơn đề nghị Tòa án xét vắng mặt, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt ông K.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thanh T và ông Nguyễn Tấn K tổ chức kết hôn trên tinh thần tự nguyện ngày 31/7/2016, không ai ép buộc và ông bà có đăng ký kết hôn đảm bảo đúng theo quy định tại các Điều 8 và Điều 9 của Luật Hôn nhân gia đình, nên quan hệ hôn nhân của ông bà là hôn nhân hợp pháp. Lúc đầu sống rất hạnh phúc, đến tháng 02/2017 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do ông K khó khăn về vấn đề tiền bạc, khi mua sắm tài sản trong gia đình thì ông K không cho bà biết trước, khi sinh hoạt trong gia đình thì ông K cùng mẹ chồng không đồng ý và đem đi nơi khác, ông K thường xuyên ăn nhậu về nhà chửi cha mẹ vợ và phía bà T cũng có lời lẽ quá nặng đối với ông K, đến

tháng 5/2018 thì ông bà sống ly thân cho đến nay. Sau khi ly thân thì gia đình hai bên và ông bà có gặp nhau để bàn bạc nhưng không đạt kết quả. Tại tòa hôm nay, bà T kiên quyết ly hôn với ông K và tại biên bản lấy khai ngày 24/9/2018 thì ông Nguyễn Tấn K cũng đồng ý ly hôn với bà T. Điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân của ông bà thực sự là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ Khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình. Xử cho bà Nguyễn Thanh T được ly hôn với ông Nguyễn Tấn K.

[3] Về con chung: không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về tài sản chung: không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về nợ chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Về án phí: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị định số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, bà Nguyễn Thanh T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn là có căn cứ như nhận định trên.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 của Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 3, điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

- Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53 và khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

*** Tuyên xử:**

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho bà Nguyễn Thanh T được ly hôn với ông Nguyễn Tấn K.

2. Về con chung: không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về tài sản chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Bà Nguyễn Thanh T phải chịu 300.000 đồng, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0004195, ngày 16/8/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Sóc Trăng. Ông Nguyễn Tấn K không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng ông Nguyễn Tấn K vắng mặt tại

phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

7. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sóc Trăng.
- VKSND huyện Kế Sách.
- Chi cục THADS huyện K.
- Các bên đương sự.
- UBND xã A.
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Hồ Văn Phụng